

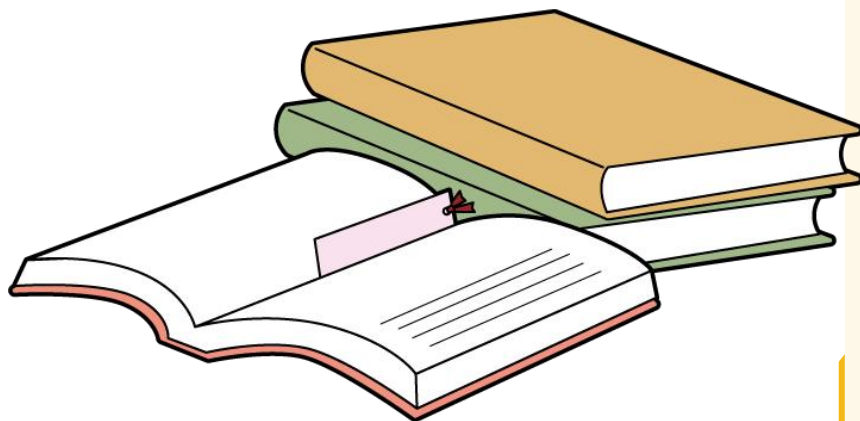
汉语口语速成（初级篇）중국어 구어 속성

dì yī kè jiàn miàn

# 第一课 见面（一）

LESSON ONE

MEETING PEOPLE



# 目录

## CONTENTS

### 목록

01

常用词汇  
Common Vocabulary  
상용 어휘

03

模拟情景练习  
Exercise  
중국어 회화를 연습하다

02

情景对话  
Situational Dialogues  
본문

04

语音巩固  
Voice Consolidation  
발음 연습



cháng yòng cí huì

常用词汇

VOCABULARY

상용 어휘

- 你 nǐ
- 好 hǎo
- 您 nín
- 你们 nǐ men
- 老师 lǎo shī
- 再见 zài jiàn

너. 자네. 당신. 너희들. 당신들

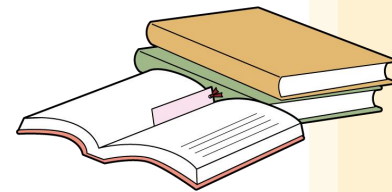
좋다

你的 존칭

너희. 당신들

선생님

안녕



- 我 wǒ

나

- 叫 jiào

...라고 부르다

- 很高兴认识你 hěn gāoxìng rènshi nǐ

만나서 반갑습니다

注释：1注意你和您的讲解，尊称的用法。 2很高兴认识你&很高兴认识您 3很高兴认识你&认识你很高兴

再见!

